TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 01 năm 2020
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Blớh Mlô và ông Nguyễn Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2019/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Văn Nữ Thị Tuyết N (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Xuân Đ, xã Phú X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

***Bị đơn*:** Anh Nguyễn Công T (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Xuân Đ, xã Phú X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Văn Nữ Thị Tuyết N trình bày: Chị và anh Nguyễn Công T là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, chị và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Thảo N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2001 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2015. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh T bỏ nhà ra đi không có tin tức gì và đã được Tòa án tuyên bố mất tích, cho nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu

cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 10 năm 2019, cháu Nguyễn Thảo N trình bày: Cháu là con của anh T và chị N. Sau khi anh T và chị N ly hôn, thì cháu có nguyện vọng ở với chị N.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 10/2019/QĐST – VDS ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K đã tuyên bố anh Nguyễn Công T, sinh năm 1979, nơi cư trú cuối cùng: Thôn Xuân Đ, xã Phú X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, mất tích.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên nội dung khởi kiện. Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; chị N chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, còn anh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Sau đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N cho chị N ly hôn với anh T. Giao con chung cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án

+ Chị N và anh T là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung. Hiện nay, anh T đã bị Tòa án đã tuyên bố mất tích, do đó chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Chị N khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Anh T có nơi cư trú cuối cùng ở thôn Xuân Đ, xã Phú X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện K căn cứ vào các Điều 35, 39, khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Do anh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp

+ Về quan hệ hôn nhân

Chị N và anh T là vợ chồng (có đăng ký kết hôn hợp pháp). Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến anh T bỏ nhà ra đi, không có tin tức gì. Theo yêu cầu của chị N, Tòa án đã tuyên bố anh T mất tích, vì

vậy chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T là có căn cứ pháp lý, phù hợp với khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N ly hôn với anh T.

+ Về con chung

Chị N và anh T có 02 con chung. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu N tính đến ngày xét xử thì cháu đã trên 18 tuổi nên không xem xét. Đối với cháu K thì hiện nay cháu đang ở với chị N, còn anh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu K cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung

Chị N không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí

Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn là chị N vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự; Điều 51; khoản 2 Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Nữ Thị Tuyết N về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Cho chị Văn Nữ Thị Tuyết N ly hôn với anh Nguyễn Công T.

+ Giao cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2015 cho chị Văn Nữ Thị Tuyết N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, kể từ ngày tuyên án.

2. Về án phí: Chị Văn Nữ Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện K theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002653 ngày 19 tháng 9 năm 2019.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Phú X;
- Chị Văn Nữ Thị Tuyết N;
- Niêm yết nơi cư trú cuối cùng của anh T;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG